

THÀNH NGỮ GỐC HÁN TRONG *THIÊN NAM NGỮ LỤC*

BÙI DUY DƯƠNG

Thiên Nam ngữ lục (TNNL) là tác phẩm Nôm, nói về lịch sử nước nhà từ thời Hồng Bàng đến thời Hậu Trần. Đoạn cuối gồm vài trăm câu viết về Lê triều ki và công cuộc Trung hưng thời Lê Trịnh thì chỉ như một kết luận vắn tắt, với rất ít sự kiện lịch sử.

Với 8136 câu thơ lục bát và 31 bài thơ chữ Hán, 2 bài thơ Nôm, TNNL trở thành tác phẩm thơ Nôm dài nhất thời trung đại. Theo nghiên cứu của nhiều học giả, TNNL xuất hiện vào cuối thế kỉ XVII. Tác giả của TNNL hiện vẫn được coi là khuyết danh.

Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu những cụm từ cố định gốc Hán hay còn gọi là thành ngữ gốc Hán (TNGH) được sử dụng trong TNNL. Từ đó, xem xét sự ảnh hưởng của các yếu tố này đến ngôn ngữ văn học dân tộc cũng như sự hoạt động của chúng trong tác phẩm.

1. Cách vận dụng các thành ngữ gốc Hán trong *Thiên Nam ngữ lục*

Dựa trên văn bản TNNL do Nguyễn Thị Lâm phiên âm, chú giải, kết hợp với việc tra cứu các cuốn từ điển

TNGH, chúng tôi thống kê các câu thơ có chứa TNGH trong TNNL, và thu được kết quả như sau:

Trong toàn bộ 8136 câu thơ lục bát, có 115 câu thơ (115 lần) vận dụng TNGH. Nhà thơ đã sử dụng khéo léo 79 TNGH với tần số xuất hiện từ 1 đến 6 lần, trong đó:

- 62 câu TNGH được vận dụng 1 lần;
- 7 câu TNGH được vận dụng 2 lần;
- 6 câu TNGH được vận dụng 3 lần;
- 4 câu TNGH được vận dụng 4 lần;
- 1 câu TNGH được vận dụng 5 lần.

Lấy TNGH gốc làm căn cứ so sánh, chúng tôi thấy trong TNNL có 3 cách chính vận dụng TNGH là: giữ nguyên vẹn TNGH; dùng ý TNGH; cải biến TNGH (thêm hoặc bớt từ so với thành ngữ gốc). Dưới đây là những phân tích cụ thể:

1.1. Giữ nguyên vẹn thành ngữ gốc Hán

Đây là trường hợp, tác giả giữ nguyên những yếu tố cấu tạo nên

TNGH cũng như ngữ nghĩa của câu thành ngữ gốc. TNGH được đưa vào câu thơ dưới dạng nguyên khối, chỉ khác so với thành ngữ gốc ban đầu là đã được chuyển sang âm Hán Việt, có tất cả 39 lần vận dụng cách này. Thí dụ như:

Hiếu hoà sự ấy kíp sao,

Dục tốc bất đạt trời nào có dung.

(câu 1134)

Hoặc:

Đến Kim Lan cơ đầu ghềnh

Lục nơi cải tử hoàn sinh chẳng cùng.

(câu 2916)

Ngoài ra, chúng ta còn gặp những câu TNGH được vận dụng nguyên vẹn trong các câu cụ thể sau đây: 273, 296, 397, 507, 736, 739, 1314, 1338, 1356, 1423, 1513, 1703, 1796, 1904, 2244, 2405, 3407, 3589, 3914, 3961, 4075, 4082, 4466, 4500, 4743, 4751, 5125, 5365, 5447, 5602, 5996, 6032, 6118, 6625, 7540 (xin xem trong [6]).

Như vậy, việc vận dụng nguyên dạng TNGH ở TNVL là khá nhiều, chiếm 33% trong tổng số lần vận dụng TNGH. TNVL là một tập điển ca lịch sử, tác giả đã vận dụng thể thơ lục bát của dân tộc để viết về các triều đại của Việt Nam. Với sự ảnh hưởng của Nho giáo, chế độ phong kiến Việt Nam mô phỏng nhiều theo chế độ phong kiến của Trung Hoa. Vì vậy, những TNGH nói về chế độ triều chính của Trung Hoa như *cửu lưu tam giáo, đồng sàng đồng tịch, thùy y cùng thú,...* cũng được vận dụng nguyên dạng khi nói về triều chính của Việt Nam.

Điều đáng lưu ý ở đây, không phải là số lượng các TNGH được vận dụng nguyên dạng là nhiều hay ít mà quan trọng là tác giả đã vận dụng khéo léo các TNGH đó như thế nào để đưa chúng vào trong câu thơ chữ Nôm một cách nhuần nhị, hợp lí nhất.

Với thể loại lục bát, tác giả phải tuân thủ niêm luật theo khuôn hình được sơ đồ hoá như sau:

Dòng thơ	Vị trí tiếng					
	2	4	6	8		
Dòng lục	bằng	trắc	bằng (vần)			
Dòng bát	bằng	trắc	bằng (vần)			bằng (vần)

Vì vậy, khi đưa những câu TNGH vào trong câu thơ lục bát, tác giả nhiều khi đã linh hoạt thay đổi cấu trúc của chúng. Phần lớn những TNGH là thành ngữ có kết cấu đối ứng: gồm có hai vế, giữa các vế vừa có sự bình đẳng vừa có sự đối xứng về ngữ âm (số tiếng, vần, thanh điệu), ngữ pháp và ngữ nghĩa. Dựa vào đặc điểm này,

khi dẫn các TNGH, tác giả có thể đảo vế, thay đổi trật tự giữa các yếu tố mà vẫn giữ nguyên ngữ nghĩa của đơn vị gốc. Việc đảo vế như vậy chủ yếu là để phù hợp với niêm luật của thể thơ lục bát.

TNGH thường có 4 yếu tố là ABCD, có thể đảo thành ADCB. Thí

dụ: *Tả xung hữu đột* được đảo thành *Tả đột hữu xung* trong câu thơ:

Một mình tả đột hữu xung

Muôn quân chẳng sợ, ngàn vòng chẳng lo.

(câu 397 - 398)

Hay ABCD được đảo thành CDAB, chẳng hạn:

Vốn lòng ái quốc trung quân,

Gặp thời bạt đấng đem thân ra ngoài.

(câu 3589 - 3590)

Tác giả đã đảo hai vế của câu TNGH *Trung quân ái quốc* nhưng không làm thay đổi ý nghĩa của nó.

Ngoài ra, có một số TNGH được biến đổi một yếu tố nhưng về bản chất vẫn là sử dụng nguyên dạng bởi yếu tố đó chỉ thay đổi do hiện tượng biến âm hoặc sử dụng từ đồng nghĩa. Thí dụ, TNGH *Văn võ kiêm toàn* khi thì dùng với biến thể *Văn vũ kiêm toàn*, khi thì dùng với biến thể *Văn võ song toàn*:

Gồm no văn võ song toàn

(câu 507)

Văn vũ kiêm toàn trung hiếu sánh no.

(câu 5996)

2.2. Dùng ý thành ngữ gốc Hán

Đây là các trường hợp tác giả chỉ lấy ý của TNGH. Qua nội dung câu thơ, người đọc có thể liên tưởng đến câu thành ngữ gốc mà nhà thơ vận dụng. Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy có 50 trường hợp “mượn ý để diễn lại” trong những câu thơ

sau: 87, 202, 228, 234, 278, 363, 446, 539, 655, 711, 860, 953, 1012, 1094, 1175, 1292, 1449, 1457, 1720, 1776, 2056, 2069, 2299, 2612, 2701, 3627, 3628, 3660, 3759, 3883, 4962, 4993, 5033, 5070, 5110, 5595, 5775, 6241, 6451, 6978, 7146, 7157, 7291, 7322, 7366, 7586, 7607, 7764, 7889, 8076 (xin xem những câu thơ trong [6]).

Thí dụ, câu thơ sau dùng ý TNGH *Tứ hải giai huynh đệ*:

Tuy chẳng một mẹ sinh ra,

Người trong bốn bể cũng là anh em.

(câu 5109, 5110)

Hoặc dùng ý câu TNGH *Lão bạng sinh châu* trong trường hợp sau:

Mừng rằng phúc bởi tiền thân

Bạng già lại thấy kì trần hiện rày.

(câu 233, 234)

Các TNGH được dịch nghĩa, dùng ý chiếm tỉ lệ 43,5% các trường hợp vận dụng TNGH trong *TNNL*. Cách vận dụng này giữa các TNGH là không đồng đều như:

- *Xã thử thành hồ* (4 lần);

- *Thần thông biến hoá, Trợ quốc an dân, Hồn phiêu phách lạc* (3 lần);

- *Cải ác tùng thiện, Kết duyên Tấn Tàn, Hồ giả hồ uy* (2 lần)...

Một số thành ngữ được sử dụng lặp lại nhiều lần trong *TNNL* là do đặc trưng thể loại quy định. Là một tác phẩm diễn ca lịch sử, *TNNL* đã xây dựng các sự kiện lịch sử theo tình tiết, kết cấu của một tiểu thuyết dựa trên các bộ sử chính thống và phần lớn là đã sử, truyền thuyết và

thần thoại. Với việc dựa vào những thể tài dân gian đó, những mô típ truyện giống nhau là điều khó tránh khỏi và việc vận dụng lại TNGH cũng là điều đương nhiên. Cụ thể như, nói về những kẻ lợi dụng thế lực lớn để làm những điều xấu bậy, không có gì đặc dụng hơn là dùng ý của câu TNGH *Xã thử thành hồ*:

Mở thông nẻo bể, đường rừng

Trong không chuột xã, ngoài không
cáo thành.

(Câu số 1775, 1776)

Chuột thành đôi đũa càng đưa

Dân như cá cạn thôi cò thì lươn.

(Câu số 7888, 7889)

Có những trường hợp, nhà thơ không chỉ vận dụng nghĩa câu TNGH mà trong quá trình sử dụng còn mở rộng nghĩa cho TNGH. Từ TNGH *Đồng điện bất đồng tâm* có nghĩa là: Hình thức bề ngoài giống nhau nhưng thực chất bên trong có những điểm riêng khác, tác giả *TNNL* trong những câu thơ dưới đây đã vận dụng lại với ý: Ở thế gian này, không thiếu gì những kẻ ngoài mặt thì tỏ vẻ đồng tình, ủng hộ nhưng trong bụng thì đầy mưu kế nham hiểm:

Nàng tua khuya sớm giữ coi,

Thế gian đồng mặt, mấy ai đồng
lòng.

(Câu số 859, 860)

1.3. Cải biến thành ngữ gốc Hán

Đây là trường hợp, tác giả vẫn sử dụng những từ Hán Việt trong TNGH nhưng đã có sự biến đổi hình thái cấu trúc của thành ngữ. Bằng phương pháp tinh lược hoặc thêm

xen vào câu thành ngữ gốc, tác giả đưa chúng vào trong những câu thơ của mình hết sức tự nhiên. Thí dụ, tinh lược TNGH *Mãn nguyệt khai hoa thành mãn nguyệt* trong câu thơ sau:

Mãn nguyệt chín tháng mười
ngày

Sinh ra nam tử tốt thay dị kì.

(Câu 6107, 6108)

Hoặc thêm xen từ vào TNGH *Chỉ tang bông*:

Bèn bảo em là Phùng Cai,

Anh hùng ta cũng chỉ trai tang
bông.

(Câu 3045, 3046)

Có 26 lần tác giả vận dụng cách này, trong các câu: 87, 354, 813, 931, 1022, 1160, 1607, 1691, 2174, 2287, 2297, 2483, 2500, 2941, 3046, 3197, 3997, 4015, 5336, 5781, 6107, 6200, 6577, 6713, 7622, 7909 (xin xem trong [6]); chiếm tỉ lệ 23,5% tổng số câu thơ chứa TNGH.

Mặc dù, đối với thành ngữ, tính cố định, bền vững về hình thái cấu trúc là một đặc trưng quan trọng, nhưng khi chúng được vận dụng để đưa vào trong thơ Nôm, những biến thể thành ngữ là điều khó tránh khỏi. Những biến thể làm cho thành ngữ trở nên linh hoạt hơn trong việc sử dụng, nhất là khi nó không làm ảnh hưởng đến ngữ nghĩa của thành ngữ gốc. Sau đây là một số phương pháp cải biến TNGH được sử dụng trong *TNNL*:

- Phương pháp thêm xen (thêm từ vào thành ngữ gốc) được tác giả vận dụng 4 lần. Trong quá trình vận

dụng, nhà thơ không chỉ đơn thuần tách cấu trúc của thành ngữ Hán nguyên dạng, thêm từ vào giữa, mà còn có sự kết hợp đa dạng giữa tách cấu trúc với đảo vế, chuyển dịch... Chẳng hạn như:

Còn lâu phú quý còn trường công danh.

(Câu 354)

- Phương pháp tinh lược (bớt một số từ trong thành ngữ gốc): Phương pháp này tỏ ra rất đặc dụng, xuất hiện 20 lần trong *TNNL*. Yếu tố được tinh lược rất linh hoạt, có thể ở nhiều vị trí khác nhau trong câu thành ngữ gốc. Khi thì tinh lược về đầu như: *Thọ ti Nam sơn* thành *Nam sơn* trong câu "*Nam sơn há sánh, núi trăng xem tay*" (câu số 5782); khi thì tinh lược về sau như: *Tao khang chi thể* thành *tao khang* trong câu: "*Tớ còn tiếc nghĩa tao khang*" (câu số 1691).

TNGH là những đơn vị có tính hàm súc, đã từ lâu đi vào tri thức của các nhà Nho nên việc tinh lược đi một vài chữ trong thành ngữ gốc vẫn không làm mất giá trị biểu trưng của chúng, cũng như không gây khó dễ cho sự tri nhận người đọc. Có những câu TNGH dài nhưng đã được nhà thơ tinh lược chỉ còn 2 từ khi đưa vào trong thơ:

Xa thư một mối láng láng

(câu số 87)

Xa thư một mối, giang san vẹn toàn.

(câu số 2500)

Hai thí dụ trên đều là sự tinh lược của câu thành ngữ gốc *Xa đồng quy, thư đồng văn*. Tác giả vận dụng khéo

léo câu TNGH trên, để nói nên khát vọng muôn đời của nhân dân Việt Nam là thông nhất bờ cõi, giang sơn vẹn toàn.

Tuy nhiên, việc vận dụng tinh lược các TNGH cũng có điểm hạn chế. Khi tác giả tinh lược nhiều quá sẽ gây ra sự khó nhận biết đối với câu TNGH gốc. Cho nên tùy từng ngữ cảnh và những từ còn lại của TNGH mà chúng ta có thể truy nguyên ra thành ngữ gốc.

2. Nội dung các thành ngữ gốc Hán trong *Thiên Nam ngữ lục*

Căn cứ vào nội dung, chúng tôi phân các TNGH được vận dụng trong *TNNL* thành hai chủ đề lớn: chủ đề về con người (gồm 48 câu) và chủ đề về cuộc sống, những hiện tượng tự nhiên (gồm 31 câu).

2.1. Thành ngữ gốc Hán nói về con người

Trong *TNNL*, có 48 câu TNGH nói về đạo đức, phẩm hạnh, quan hệ xã hội... của con người, chiếm 61,6% tổng số TNGH được vận dụng. Cụ thể như sau:

- TNGH ca tụng nhà vua và các triều thần

Nhà vua là người có đức độ, học rộng tài cao, tinh thông: *Cửu lưu tam giáo* (Chín phái thời Xuân Thu Chiến Quốc và ba đạo là Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo):

Thông biết sự cơ sự quyền

Cửu lưu tam giới ai phen trong đời.

(Câu 6117, 6118)

Với tài năng, đức độ của những minh quân, triều đình được thịnh trị, muôn dân được an cư lạc nghiệp. Nhà vua có thể *thùy y cùng thú* (rủ áo chấp tay) ngồi yên một chỗ mà nhìn thiên hạ thái bình. Nhà vua sẽ an nhàn, khỏe mạnh, sống với tuổi thọ được ví như tuổi mặt trời, mặt trăng, ngày một tăng, dài lâu mãi và vững bền như núi Nam Sơn (*thọ ti Nam sơn*):

*Tuổi vua nhật nguyệt thẳng hằng
Nam Sơn há sánh, núi trăng xem
tày.*

(Câu 5781, 5782)

Bên cạnh đó, nhà vua còn có những vị tướng tài giỏi với dáng đi như rồng, bước đi như hổ (*hổ bộ long thành*), đúng khí phách của một vị anh hùng tướng quân:

*Hòa thêm hổ bộ long thành,
Thiên biểu nhật giác thức hình
để vương.*

(Câu 3961, 3962)

Triều đình có được vững yên, hưng thịnh chính là do đội ngũ quan lại. Đó phải là những vị quan liêm chính, không tư hào đến cái tư cái tác của nhân dân. Nhà vua phải trừ bỏ những kẻ bạo ngược, hoành hành cũng như tham nhũng:

*Việc làm chẳng phạm hào thu,
Bao trừ tung hoành, bậy trừ những
tham.*

(Câu 3197, 3198)

Tác giả đã vận dụng TNGH *Thu hào bất phạm* (Sợ lông chim vào mùa thu rất nhỏ cũng không động vào) để ngợi ca công đức của Khúc Hạo, một

trong những người đầu tiên xây dựng nền tự chủ cho dân tộc ta.

- TNGH nói về những vấn đề như đạo đức, lễ lối, gia phong... trong xã hội phong kiến

Các quan hệ, chuẩn mực trong xã hội phong kiến Việt Nam đều chịu sự chi phối của hệ tư tưởng Nho giáo. Là bậc triều thần, các quan lại phải luôn mang trong mình tấm lòng *ái quốc trung quân*, ngay cả trong hoàn cảnh *bạt đấng* (khó khăn):

Vốn lòng ái quốc trung quân,

*Gặp thời bạt đấng đem thân ra
ngoài.*

(Câu 3589, 3590)

Theo quan niệm Nho giáo, người phụ nữ gắn liền với những quy chuẩn mang tính nghĩa vụ đối với phụ nữ phương Đông. Đó là *tam tông tứ đức*, trong đó *tứ đức* là bốn đức tính tốt của người phụ nữ: *công, dung, ngôn, hạnh*; *tam tông* là ba điều phụ nữ phải theo: *tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử*. Hình ảnh người phụ nữ phong kiến mẫu mực - thân mẫu của vua Lê Hoàn phải là:

Cha là Lê Hiền chẳng hiền

*Mẹ là Đặng thị hợp duyên vợ
chồng.*

Bui hay giữ đạo tam tông

*Vốn lòng kính tin, chẳng lòng
tà gian.*

(Câu 3995 - 3999)

Tuy nhiên, không phải lúc nào số phận người phụ nữ cũng được tốt đẹp. Mỵ Ê xinh đẹp vốn là vợ của chúa Xạ Đầu nước Chiêm Thành. Khi vua Lý Thái Tông đánh được

Chiêm Thành, giết Xạ Đẩu. Nàng Mỹ Ê đã nhảy xuống sông Lý Nhân quyên sinh để giữ tâm lòng liệt nữ. TNHGH nói ý *hồng nhan bạc phận* (người đẹp thì số phận hẩm hiu) được diễn đạt bằng câu thơ sau:

Thôi bèn trẫm mình xuống sông

*Hồn hoa phảng phất má hồng
lênh đênh.*

(Câu 4965, 4966)

Nhưng đối với người phụ nữ Việt Nam, tấm lòng *liệt nữ* không phải là sự hèn yếu, chết theo chồng mà là ở khí phách kiên cường, báo thù cho chồng. Hai Bà Trưng đã dấy binh khởi nghĩa, chống lại sự cai trị tàn bạo của quân Đông Ngô.

Tớ còn tiếc nghĩa tao kang

*Vậy mà tớ phải kiếm phương báo
thù.*

(Câu số 1691, 1692)

Nhà thơ đã vận dụng TNHGH *Tao kang chi thê* để nói lên tình nghĩa vợ chồng từ thuở hàn vi của Trưng Trắc. Khi đã “kết duyên Tấn Tần”, tình cảm vợ chồng thấm thiết, gắn bó bấy lâu, bà đã quyết tâm tìm cách báo thù cho chồng. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thành công vừa đánh đuổi giặc ngoại xâm vừa trả được thù cho chồng. Hai Bà Trưng đã trở thành hình ảnh tiêu biểu cho ý chí, tài năng và phẩm giá của người phụ nữ Việt Nam.

Tóm lại, những câu TNHGH rất đặc dụng trong việc khắc hoạ hình ảnh nhân vật trong *TNNL* với những chuẩn mực, khuôn mẫu của xã hội phong kiến. Ngoài những ý nghĩa như trên, tác giả còn dùng nhiều TNHGH

để nói về đạo đức, lễ sống, răn dạy cho người đời như: *Cửu nhân độ thế, Cái ác tung thiên, Cẩn tắc vô ưu, Oan gia túc trái, Tu nhân tích đức...*

2.2. Thành ngữ gốc Hán nói về cuộc sống

TNNL với 8136 câu lục bát đã diễn ca lịch sử nước nhà suốt mấy nghìn năm. Những quan niệm, tình cảm, ước mơ của tác giả về cuộc sống đã được thể hiện phần nào qua những câu TNHGH và được biểu hiện qua một số khía cạnh sau:

- *TNNL* ngợi ca phong cảnh đất nước

Ngay từ thuở Hồng Bàng, người dân đất Việt luôn mong muốn một đất nước thống nhất, độc lập. Bởi vậy, TNHGH *Xa đông quý, thu đông văn* (Xe cùng một khoảng cách giữa hai bánh, sách cùng một thứ chữ) được nhà thơ sử dụng đến 5 lần trong *TNNL* (câu số 87, 931, 2500, 6713, 7909) để khắc đậm niềm khát vọng thống nhất đất nước của nhân dân, chẳng hạn:

Xa thư một mối láng láng,

*Dân không tập nguy, vật không
bất càn.*

(Câu 87, 88)

Các TNHGH còn được tác giả huy động để vẽ nên bức tranh phong cảnh Việt Nam non xanh nước biếc tuyệt mỹ:

Non xanh nước biếc xa khơi

*Mường kia, Mán nọ, nào người
chẳng nghe.*

(Câu 4931, 4932)